

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HS-PT

Ngày: 28/6/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Luông.

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Lê Quân Vương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 59/2018/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Trịnh Văn T. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo: Trịnh Văn T (tên gọi khác: H), sinh năm 1984, tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số 257/14, tổ 44, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Xuân N, sinh năm 1958 và bà Mai Thị N1, sinh năm 1960; vợ là bà Lê Thị N2, sinh năm 1986; có 01 người con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2017 cho đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Văn Thanh là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Kiến An – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong vụ án còn có 01 bị cáo, 01 bị hại, 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn T làm nghề thu mua phế liệu. Khoảng đầu tháng 9/2017, trên đường đi thu mua phế liệu ở thị xã T, tỉnh Bình Dương, T gặp và cho Sơn Chí C đi nhờ xe, sau đó T rủ C đi theo mình phụ thu mua phế liệu.

Sáng ngày 15/10/2017, T đi đến khu Công nghiệp V, ở khu vực xã A, thị xã B để thu gom rác phế liệu nhà xưởng. Tại đây, T thấy số lượng rác nhiều nên điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 61B1 - 708.49 chạy đến nhà trọ của C ở khu vực xã K, thị xã T, tỉnh Bình Dương để chở C qua phụ gom rác phế liệu. Sau đó, T và C đi đến tiệm bán vật liệu xây dựng cạnh Quốc lộ 13, T vào mua 01 cây kim cắt tole dài khoảng 30 cm nhằm mục đích cắt tole khi gom rác phế liệu. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T chở C đi đến đoạn đường DT748 thuộc khu vực ấp A, xã A, thị xã B thì trời mưa nên T ghé vào quán cà phê bỏ hoang bên đường trú mưa, lúc này T thấy cạnh đường cách đó khoảng 50m có bãi đất để nhiều thanh sắt và tole của ông Huỳnh Vĩ Q nên T điều khiển xe quay lại chỗ bãi đất hỏi xem có bán sắt và tole không. Đến nơi, C ghé vào tiệm bán tạp hóa cạnh bãi đất hỏi người phụ nữ bán hàng có biết chủ đất không nhưng người này nói không biết. Sau đó, T nảy sinh ý định lấy trộm sắt và tole ở bãi đất vừa xem nên bảo C điện thoại cho chủ xe cầu là ông Bùi Hồng P đến cầu sắt sau đó C và T sẽ bán số sắt, tole này lấy tiền chia nhau tiêu xài. C đồng ý và gọi điện thoại cho ông P nói có sắt cần xe cầu chở đi, nhưng do trời mưa nên ông P không đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, trời tạnh mưa, do trễ nên T điều khiển xe chở C về.

Khoảng 08 giờ 40 phút, ngày 16/10/2017, T điều khiển xe mô tô biển số 61B1 - 708.49 đến phòng trọ của C rồi C đi lấy trộm sắt và tole của ông Q thì C đồng ý. Đến khoảng 09 giờ 40 phút cùng ngày, T chở C đến chỗ bãi đất để sắt và tole của ông Q thì gặp ông Nhữ Văn T1 là người trông coi vườn cạnh bên đang đứng phía trước, T nói dối với ông T1 rằng T là người làm công của chủ cơ sở sắt, tole trong bãi đất và khoảng 14 đến 15 giờ sẽ có xe đến chở sắt và tole đi. T kêu ông T1 phụ T dọn cỏ phía trước cổng để cho xe cầu dễ vào bãi đất lấy hàng và sẽ trả công cho ông T1 nhưng ông T1 không nói gì. Lúc này, T thấy có 01 người đàn ông đang xịt thuốc diệt cỏ phía bên kia đường nên nhờ người này xịt diệt cỏ phía bên ngoài cổng bãi đất và trả tiền công 70.000 đồng. Sau đó, T đi lại cổng vào bãi đất chứa sắt dùng cây kim định cắt ổ khóa nhưng chưa cắt thì ổ khóa cổng rớt ra, T mở cổng vào trong nhờ 02 bụi cỏ đặt lên 02 đồng sắt và tole chọn được để làm dấu rồi T lấy điện thoại của C gọi cho ông Bùi Hồng P điều khiển xe cần cầu đến ngã tư B có người dẫn đi cầu chở sắt về khu vực vòng xoay A, thị xã T, ông P đồng ý (ông P không biết việc T và C lấy trộm sắt, tole của ông Q). T chở C đến khu vực ngã tư B, T kêu C đứng đợi xe cầu đến dẫn đi cầu trộm sắt và tole xong thì điện thoại cho T, còn T điều khiển xe mô tô đến Khu công nghiệp V gom phế liệu chờ. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, P điều khiển xe ô tô biển số 51C - 831.21 đến và được C dẫn đường đến bãi đất chứa sắt và tole của ông Q. C chỉ 02 đồng sắt và tole mà T đặt bụi cỏ làm dấu kêu ông P cần cầu lên xe. Sau khi cần xong, được 05 cây cột sắt, 120 tấm tole sắt, 53 tấm tole lợp vòm lên xe ô tô biển số 51C - 831.21, ông P điều khiển xe đi ra thì bị vướng vướng lầy trong bãi không chạy đi được. Thấy vậy, C gọi điện thoại nói cho T biết, T kêu C và ông P đi thuê xe máy cày đến kéo xe cầu ra. Ông P điện thoại tìm xe máy cày đến kéo nhưng không có. Sau đó, T nhờ cháu họ là Lê Văn C1 điều khiển xe máy từ thị xã T đến chở C về.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, ông Huỳnh Vĩ Q nhận được tin từ quần chúng báo có người đến lấy trộm sắt và tole của mình nên báo Công an xã A đến bắt giữ C, thu giữ: xe ô tô tải biển số 51C – 831.21, 05 (năm) cây cột sắt, 120 (một trăm hai mươi) tấm tole sắt và 53 (năm mươi ba) tấm tole lợp vòm trên thùng xe; 01 (một) chứng minh nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Bùi Hồng P; 01 (một) điện thoại di động hiệu Philips màu đen của C. Đối với Trịnh Văn T khi nghe tin Sơn Chí C bị bắt, T đã bỏ trốn. Đến ngày 05/12/2017, T đến Công an thị xã B, tỉnh Bình Dương đầu thú.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 18/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B: 05 (năm) cây cột sắt, tổng trọng lượng 1.360 kg trị giá 10.880.000 đồng, 120 tấm tole sắt, tổng trọng lượng 2.064 kg trị giá 16.512.000 đồng, 53 tấm tole lợp vòm, tổng trọng lượng 355 kg trị giá 2.840.000 đồng, tổng trị giá là 30.232.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HS-ST ngày 30/3/2018, Tòa án nhân dân thị xã B tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Văn T, Sơn Chí C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2017.

Xử phạt bị cáo Sơn Chí C 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2018, bị cáo Trịnh Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (đơn kháng cáo trong thời hạn luật định). Ngày 25/5/2018, bị cáo có đơn bổ sung nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trong phần tranh luận: Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là cha của bị cáo có Huy chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có vai trò chính trong vụ án, mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật mà tòa án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là cha ruột của bị cáo có huân huy chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đây là các tình

tiết mới chứng minh bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo nên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T.

Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử và vẫn giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt. Lời nói sau cùng: Bị cáo mong hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để về giúp đỡ gia đình, chăm sóc cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 14 giờ ngày 16/10/2017, tại bãi chứa sắt, thép phế liệu thuộc ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương của ông Huỳnh Vĩ Q, Trịnh Văn T và Sơn Chí C có hành vi thuê xe ô tô tải có cần cẩu, lén lút chiếm đoạt tài sản gồm 05 cây cột sắt, 120 tấm tole sắt và 53 tấm tole lợp vòm, với giá trị được xác định là 30.232.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Bị cáo T kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh cha của bị cáo là ông Trịnh Văn N được Nhà nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang và Chứng nhận đăng ký tạm trú chứng minh bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo và đồng phạm chiếm đoạt tài sản có giá trị tương đối lớn, có sự tính toán, chuẩn bị trước khi thực hiện (như ghi lại số điện thoại của xe ô tô để thuê, gọi người dọn cỏ, sắp đặt cho đồng phạm thực hiện thông qua điện thoại di động), bị cáo có vai trò chính trong vụ án. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T có cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, tuy nhiên mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo không có cơ sở để được chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Theo nội dung tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người liên quan, bãi đất trống chứa sắt, thép phế liệu của ông Q không có người quản lý, bảo vệ, nên hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện đã hoàn thành khi đã dịch chuyển tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội chưa đạt

và áp dụng quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo là chưa đúng quy định, cần rút kinh nghiệm.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật (theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2017.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T phải nộp 200.000 đồng.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BD;	1
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;	1
- TAND thị xã B;	2
- VKSND thị xã B;	1
- C.cục THADS thị xã B;	1
- CQCSĐT CA thị xã B;	1
- Bị cáo; người bào chữa;	2
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Lưu: HS, tổ HCTP.	3

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Luông